

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PGS**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Hoá sinh học

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN THỊ HỒNG THƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 16-05-1979; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Điện Hòa, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 266 Đống Đa, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Bộ môn Sinh Hóa, Khoa Sinh học - Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM), số 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0913 402 077;

E-mail: nththuong@hcmus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 11 năm 2001 đến tháng 11 năm 2002: Trợ giảng Bộ môn Sinh hóa, Khoa Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Từ tháng 11 năm 2002 đến tháng 4 năm 2021: Giảng viên Bộ môn Sinh hóa, Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*  
Từ tháng 4 năm 2021 đến nay: Giảng viên chính, Bộ môn Sinh hóa, Khoa Sinh học – Công nghệ Sinh học, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Chức vụ: Hiện nay: .....; Chức vụ cao nhất đã qua: Chi Ủy viên Chi bộ Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

Địa chỉ cơ quan: số 227 Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, TP.HCM

Điện thoại cơ quan: (+84) 28 38 300 560

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng .....năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): .....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 04 tháng 09 năm 2001; số văn bằng: 175/SH/9-01; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh hóa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 02 năm 2008; số văn bằng: 0316881/1; ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng TS: Đại học East Anglia, Vương quốc Anh

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng 1: Phân tích cơ chế sinh tổng hợp các hợp chất thứ cấp ở thực vật
- Hướng 2: Ứng dụng công nghệ gene để điều chỉnh và cải biến quá trình trao đổi chất ở thực vật và vi sinh vật

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn chính 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn chính 09 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 07 đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên, bao gồm:
  - 01 đề tài cấp Bộ (NAFOSTED) với vai trò chủ nhiệm
  - 01 đề tài cấp ĐHQG loại B và 01 đề tài cấp ĐHQG loại C, đều với vai trò chủ nhiệm
  - 01 đề tài quốc tế được tài trợ bởi TWAS (The World Academy of Sciences), với vai trò chủ nhiệm
  - 01 đề tài cấp Sở với vai trò thành viên cố vấn
  - 02 đề tài cấp Trường với vai trò thành viên tham gia

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

- Đã công bố 32 bài báo khoa học, trong đó 15 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (12 Q1, 01 Q2, 01 Q3 và 01 Scopus);

- Số lượng sách đã xuất bản: 01 giáo trình, trong đó 01 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2022 (Quyết định số 3105/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2022)

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vào các năm 2022 (Quyết định số 3685/QĐ-BGDĐT ngày 14/11/2022) và 2024 (Quyết định số 1353/QĐ-BGDĐT ngày 16/05/2025)

- Gương điển hình tiên tiến Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM giai đoạn 2020-2025 (Quyết định số 1476/QĐ-KHTN ngày 30/05/2025)

- Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG TP.HCM trong các năm: 2018, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024

- Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia TP.HCM vì “đã đóng góp tích cực trong công tác đào tạo và giảng dạy, góp phần vào sự phát triển của ĐHQG-HCM” (Quyết định số 1416/QĐ-ĐHQG ngày 16/11/2018)

- Giải thưởng Chương trình Hợp tác Nghiên cứu Newton (Newton Research Collaboration Program Award) do Viện Kỹ thuật Hoàng gia Anh (Royal Academy of Engineering) trao tặng năm 2016.

- Giấy khen của Thành Đoàn TP.HCM dành cho Giảng viên hướng dẫn sinh viên đạt giải Ba Giải thưởng *Sinh viên Nghiên cứu Khoa học - Eureka lần thứ 17 năm 2015* (Quyết định số 369-QĐKT/TĐTN-VP)

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM dành cho Huấn luyện viên đội tuyển đạt thành tích xuất sắc tại Kỳ thi Olympic Sinh học Sinh viên toàn quốc Lần thứ III (2023) (Quyết định số 1064/QĐ-KHTN ngày 16/06/2023).

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Căn cứ vào tiêu chuẩn, nhiệm vụ và quyền hạn của giảng viên được quy định trong Luật Giáo dục và Luật Khoa học và Công nghệ, tôi tự đánh giá về bản thân như sau:

- Phẩm chất, tư tưởng, đạo đức: Luôn giữ gìn và phát huy phẩm chất, danh dự và uy tín của nhà giáo; luôn có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức nghề nghiệp và học tập nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; luôn nỗ lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

- Năng lực chuyên môn: Đã hoàn thành chương trình đào tạo chính quy bậc đại học (năm 2001) và tiến sĩ (năm 2008); đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nghề nghiệp đối với vị trí giảng viên cơ hữu tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM từ năm 2001 đến nay; hiện đang giữ chức danh Giảng viên chính; có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo trong các hoạt động chuyên môn như giảng dạy, nghiên cứu và trao đổi học thuật.

- Nhiệm vụ giảng dạy: Đã tham gia và hoàn thành tốt công tác giảng dạy bậc đại học và sau đại học; đã hướng dẫn sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh thực hiện thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ; đã luôn chú trọng đổi mới phương pháp dạy học, cập nhật nội dung học phần để nâng cao hiệu quả giảng dạy.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Nhiệm vụ nghiên cứu khoa học: Đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; đã báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế; đã công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước và quốc tế. Chỉ số trích dẫn (citation) theo dữ liệu cập nhật (06/2025) từ Google Scholar (<https://scholar.google.com.vn/citations?user=aIPJmKcAAAAJ&hl=en&oi=ao>) là 1112; H-index = 10, i-10 index = 10.

- Các hoạt động chuyên môn khác: tham gia các hội đồng khoa học chuyên ngành; tham gia các khóa tập huấn nâng cao năng lực giảng dạy; tham gia các buổi chia sẻ hoạt động khoa học và vì cộng đồng; tham gia với vai trò là thành viên chủ chốt trong nhóm hỗ trợ Khoa và Bộ môn cập nhật chương trình đào tạo cử nhân Sinh học, cử nhân Công nghệ sinh học, thạc sĩ và tiến sĩ ngành Hoá sinh học, thực hiện kiểm định chương trình theo chuẩn quốc tế AUN và ASIIN, chủ trì biên soạn đề cương chi tiết cho các học phần ứng viên phụ trách và là chủ biên giáo trình *Hoá học protein* phục vụ giảng dạy cho sinh viên ngành Sinh học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 23 năm 7 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học   | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*) |
|-----------------|-----------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|                 |           | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                 | SDH |                                                                                           |
| 1               | 2019-2020 |                           |     |                                    | 02                                      | 217,5                              | 30  | 247,5/523,06/270                                                                          |
| 2               | 2020-2021 |                           |     | 02                                 | 1,5                                     | 111,5                              | 76  | 187,3/376,19/270                                                                          |
| 3               | 2021-2022 |                           |     |                                    | 1,5                                     | 129,67                             | 90  | 219,67/397,35/270                                                                         |
| 03 năm học cuối |           |                           |     |                                    |                                         |                                    |     |                                                                                           |
| 4               | 2022-2023 |                           |     |                                    | 2,5                                     | 137,38                             | 45  | 182,88/417,47/270                                                                         |
| 5               | 2023-2024 |                           |     |                                    | 01                                      | 84,27                              | 173 | 257,27/446,62/300                                                                         |
| 6               | 2024-2025 |                           |     | 01                                 |                                         | 167,17                             | 90  | 257,17/393,44/300                                                                         |

(\*) Theo Quyết định số 826/QĐ-KHTN ngày 14/6/2021 Ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM (Điều 9, mục 4), giảng viên có số giờ chuẩn định mức là 270.

(\*\*) Theo Quyết định số 1226/QĐ-KHTN ngày 17/6/2024 Ban hành Quy định về chế độ làm việc của viên chức, người lao động Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM (Điều 4 mục 2 Bảng 1), giảng viên có số giờ chuẩn định mức là 300.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☒

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; tại nước: Vương quốc Anh năm 2008

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

+ Giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo Cử nhân ngành Công nghệ Sinh học (chương trình tăng cường tiếng Anh) tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM, gồm: Sinh hóa (từ 2018 đến nay), Thực tập Sinh hóa (2018–2023) và Thực tập Sinh học chuyên ngành (từ 2022 đến nay).

+ Giảng dạy học phần “English in Biotechnology” (năm 2015 và 2016) trong chương trình đào tạo Thạc sĩ *Hóa sinh thực nghiệm và Ứng dụng Thương mại* (Lab Science Trading) tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM.

+ Hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp đại học cho sinh viên ngành Công nghệ Sinh học (chương trình tăng cường tiếng Anh) và luận văn thạc sĩ cho học viên cao học ngành *Hóa sinh thực nghiệm và Ứng dụng Thương mại* tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: .....

- Thực tập sau Tiến sĩ (Postdoctoral Research) tại Đại học Michigan (Hoa Kỳ) từ tháng 10/2008 đến tháng 7/2012.

- Nghiên cứu trao đổi tại Đại học Newcastle, Vương quốc Anh (từ tháng 3/2016 đến tháng 8/2016) với tư cách nhà nghiên cứu thỉnh giảng (*visiting researcher*), trong khuôn khổ dự án Giải thưởng hợp tác nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Newton (Vương quốc Anh).

- Tham gia khóa đào tạo ngắn hạn do Trung tâm Kỹ thuật Di truyền và Công nghệ Sinh học quốc tế (ICGEB) tổ chức tại Ý từ ngày 23 đến 27/10/2017.

- Tham gia Hội thảo tập huấn chuyên gia khu vực về *Giáo dục đại học trong ngữ cảnh quốc tế hóa* từ ngày 18 đến 20/7/2018 tại Đại học Cologne, Đức, trong khuôn khổ chương trình Đối thoại về Chiến lược Giáo dục Đại học Sáng tạo (DIES) do Cơ quan Dịch vụ Trao đổi Học thuật Đức (DAAD), Hội nghị các nhà lãnh đạo Đức (HRK) và Văn phòng quốc tế Đại học Cologne đồng tổ chức.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT                   | Đối tượng |               | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                        | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                                                 | NCS       | HVCH/CK2/BSNT | Chính                 | Phụ |                                    |                                      |                                                       |
| 1  | Khuất Lê Uyên Vy<br>(trang 159 và 171 tập 1)    | X         |               | X                     |     | 2014-2023                          | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM | Ngày cấp bằng: 22/02/2024                             |
| 2  | Mai Huỳnh Hạnh Phúc<br>(trang 198 và 205 tập 1) |           | X             | X                     |     | 2012-2015                          | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM | Ngày cấp bằng: 21/04/2016                             |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|    |                                                       |  |   |   |  |           |                                                |                              |
|----|-------------------------------------------------------|--|---|---|--|-----------|------------------------------------------------|------------------------------|
| 3  | Trần Phụng Thanh<br>(trang 263 và 271<br>tập 1)       |  | X | X |  | 2013-2016 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>20/04/2017 |
| 4  | La Ngọc Thùy Vân<br>(trang 277 và 279<br>tập 1)       |  | X | X |  | 2015-2016 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>20/4/2017  |
| 5  | Bùi Thị Tường Vi<br>(trang 301 và 309<br>tập 1)       |  | X | X |  | 2017-2018 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>08/05/2019 |
| 6  | Nguyễn Huỳnh<br>Cầm Tú<br>(trang 341 và 345<br>tập 1) |  | X | X |  | 2015-2019 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>28/02/2020 |
| 7  | Trần Thị Diễm<br>Hương<br>(trang 371 và 385<br>tập 1) |  | X | X |  | 2017-2020 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>19/07/2021 |
| 8  | Nguyễn Thị Anh<br>(trang 413 và 421<br>tập 1)         |  | X | X |  | 2021-2023 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>12/03/2024 |
| 9  | Lê Thanh Giàu<br>(trang 409 và 423<br>tập 1)          |  | X | X |  | 2021-2024 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>04/09/2024 |
| 10 | Nguyễn Châu Anh<br>(trang 427 và 439<br>tập 1)        |  | X | X |  | 2023-2024 | Trường ĐH<br>Khoa học Tự<br>nhiên ĐHQG-<br>HCM | Ngày cấp bằng:<br>21/03/2025 |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

| TT | Tên sách                                   | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất<br>bản và<br>năm xuất<br>bản | Số tác<br>giả | Chủ biên | Phần biên soạn (từ<br>trang ... đến trang)                                                                    | Xác nhận của cơ<br>sở GDĐH (số<br>văn bản xác<br>nhận sử dụng<br>sách) |
|----|--------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|---------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| I  | Trước khi được công nhận TS                |                                  |                                       |               |          |                                                                                                               |                                                                        |
| II | Sau khi được công nhận TS                  |                                  |                                       |               |          |                                                                                                               |                                                                        |
| 1  | Hóa học<br>protein<br>(trang 439<br>tập 2) | GT                               | NXB<br>ĐHQG-<br>HCM,<br>2020          | 2             | X        | Biên soạn chính từ<br>trang 1 đến 156 và từ<br>trang 183 đến 223;<br>hiệu chỉnh nội dung<br>tất cả các chương | Quyết định số<br>1348/QĐ-KHTN<br>ngày 21/6/2024                        |

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

| TT        | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                                                                                                        | CN/PCN/TK | Mã số và cấp quản lý                                                                                          | Thời gian thực hiện | Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ                                                                      |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I         | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                                                           |           |                                                                                                               |                     |                                                                                                                          |
| II        | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                                                             |           |                                                                                                               |                     |                                                                                                                          |
| Chủ nhiệm |                                                                                                                                                                                       |           |                                                                                                               |                     |                                                                                                                          |
| 1         | ĐT “Khảo sát chức năng của chùm gene mã hóa cho các enzyme terpene synthase (TPS) phân bố ở đầu nhiễm sắc thể 8 của cà chua <i>Solanum lycopersicum</i> ”<br><i>(trang 441 tập 1)</i> | CN        | C2014-18-21;<br>ĐHQG-HCM                                                                                      | 2014-2016           | QĐ số 1146 ngày 24/10/2016; Ngày nghiệm thu 14/11/2016; Xếp loại: Tốt                                                    |
| 2         | ĐT “Phân lập và khảo sát các enzyme methylketone synthase 2 (MKS2) mới từ một số loài thực vật thuộc họ Brassicaceae, Solanaceae và Fabaceae”<br><i>(trang 461 tập 1)</i>             | CN        | 106-NN.02-2013.35;<br>Quỹ phát triển KH&CN quốc gia (NAFOSTED)                                                | 2014-2019           | QĐ công nhận kết quả đánh giá đề tài số 41/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 3/3/2020; Ngày nghiệm thu 29/11/2019; Xếp loại: Đạt     |
| 3         | ĐT “Genome-wide analysis of methylketone synthase 2 (MKS2) genes in Solanaceae species”<br><i>(trang 491 tập 1)</i>                                                                   | CN        | 15-229<br>RG/BIO/AS I – FR3240287091;<br>Viện Hàn lâm Khoa học Thế giới (The World Academy of Sciences, TWAS) | 2016-2018           | Báo cáo nghiệm thu ngày 26/7/2018; Thư xác nhận hoàn thành đề tài của TWAS ngày 30/9/2019<br>Kết quả: Đạt (Satisfactory) |

|          |                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |                                                 |           |                                                                                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 4        | ĐT “Nghiên cứu chức năng của một số gene “terpene synthase” biểu hiện mạnh ở vỏ thân cây cao su ( <i>Hevea brasiliensis</i> )”<br>(trang 517 tập 1)                                                                                                              | CN | B2019-18-02;<br>ĐHQG-HCM                        | 2019-2022 | QĐ số 136/QĐ-ĐHQG ngày 16/02/2023;<br>Ngày nghiệm thu 31/3/2023; Xếp loại: Tốt      |
| Tham gia |                                                                                                                                                                                                                                                                  |    |                                                 |           |                                                                                     |
| 5        | ĐT “Tạo chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> biểu hiện đồng thời enzyme acyl thioesterase 2 (ALT2) và methylketone synthase 1 đột biến (ShMKS1G129W) có khả năng tổng hợp các 2-methylketone chuỗi carbon ngắn”<br>(trang 531 tập 1)                           | TV | Đề tài Vườn ươm, Sở KH&CN Tp.HCM                | 2016-2017 | QĐ số 1262/QĐ-SKHCN ngày 22/12/2017; Ngày nghiệm thu 27/12/2017; Xếp loại: Xuất sắc |
| 6        | ĐT “Tạo chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> biểu hiện tái tổ hợp enzyme 1-deoxy-D-xylulose-5-phosphate synthase (DXS) nhằm tăng cường khả năng tổng hợp các isoprenoid thông qua con đường phụ thuộc methylerythritol 4-phosphate (MEP)”<br>(trang 543 tập 1) | TV | T2016-13; Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM  | 2016-2017 | Ngày nghiệm thu 6/6/2018; Xếp loại: Khá                                             |
| 7        | ĐT “Nghiên cứu sự thay đổi hoạt tính thioesterase của methylketone synthase 2 (MKS2) ở cà tím <i>Solanum melongena</i> khi thay thế aspartate bảo tồn bằng glutamate”<br>(trang 549 tập 1)                                                                       | TV | T2023-130; Trường ĐH Khoa học Tự nhiên ĐHQG-HCM | 2023-2024 | QĐ số 2931/QĐ-KHTN ngày 17/10/2024; Ngày nghiệm thu 30/10/2024; Xếp loại: Xuất sắc  |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

| T<br>T | Tên bài báo/báo cáo KH                                                                                                                                                                                             | Số<br>tác<br>giả | Là tác<br>giả<br>chính  | Tên tạp chí<br>hoặc kỷ yếu<br>khoa học/ISSN<br>hoặc ISBN                                                                                             | Loại Tạp chí<br>quốc tế uy tín:<br>ISI, Scopus<br>(IF, Qi) | Số lần<br>trích<br>dẫn<br>(không<br>tính tự<br>trích<br>dẫn) | Tập, số,<br>trang | Tháng,<br>năm<br>công bố |
|--------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------|
| I      | Trước khi được công nhận TS                                                                                                                                                                                        |                  |                         |                                                                                                                                                      |                                                            |                                                              |                   |                          |
| 1      | Khảo sát một số yếu tố tác động quá trình sinh tổng hợp hệ enzyme chitinase của các chủng nấm mốc <i>Trichoderma</i> spp.<br>(trang 1 tập 2)                                                                       | 3                |                         | Kỷ yếu Hội nghị toàn quốc lần thứ II nghiên cứu cơ bản trong sinh học, nông nghiệp và y học tại Huế (25-26/7/2003), NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội |                                                            |                                                              | 1040-1043         | 07/2003                  |
| II     | Sau khi được công nhận TS                                                                                                                                                                                          |                  |                         |                                                                                                                                                      |                                                            |                                                              |                   |                          |
|        | Bài báo/báo cáo đăng trên tạp chí quốc tế hoặc kỷ yếu khoa học quốc tế: 16 bài báo (12 Q1, 02 Q2 và 02 Kỷ yếu khoa học quốc tế (01 trong danh mục Scopus))                                                         |                  |                         |                                                                                                                                                      |                                                            |                                                              |                   |                          |
| 2      | Multiple biochemical and morphological factors underlie the production of methylketones in tomato trichomes;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1104/pp.109.146415">10.1104/pp.109.146415</a><br>(trang 5 tập 2)  | 10               |                         | <i>Plant Physiology</i><br>ISSN: 0032-0889 (print); 1532-2548 (online)                                                                               | ISI (IF (2009) 6,622; Q1)                                  | 85                                                           | 151(4): 1952-1964 | 12/2009                  |
| 3      | Enzymatic functions of the wild tomato <i>Solanum habrochaites glabratum</i> methylketone synthases 1 and 2;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1104/pp.110.157073">10.1104/pp.110.157073</a><br>(trang 19 tập 2) | 11               | X<br>(Đồng tác giả đầu) | <i>Plant Physiology</i><br>ISSN: 0032-0889 (print); 1532-2548 (online)                                                                               | ISI (IF (2010) 6,451; Q1)                                  | 119                                                          | 154(1):67-77      | 09/2010                  |
| 4      | The tomato ( <i>Solanum lycopersicum</i> ) terpene synthase gene family;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1104/pp.111.179648">10.1104/pp.111.179648</a><br>(trang 31 tập 2)                                     | 12               |                         | <i>Plant Physiology</i><br>ISSN: 0032-0889 (print); 1532-2548 (online)                                                                               | ISI (IF (2011) 6,775; Q1)                                  | 390                                                          | 157(2):770-789    | 10/2011                  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                      |    |                         |                                                                                     |                           |     |                 |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----|-----------------|---------|
| 5  | Evolution of a complex locus for terpene biosynthesis in <i>Solanum</i> ; DOI: <a href="https://doi.org/10.1105/tpc.113.111013">10.1105/tpc.113.111013</a><br>(trang 51 tập 2)                                                                       | 15 | X<br>(Đồng tác giả đầu) | <i>The Plant Cell</i><br>ISSN: 1040-4651 (print); 1532-298X (online)                | ISI (IF (2013) 9,742; Q1) | 170 | 25(6):2022-2036 | 06/2013 |
| 6  | Cytosolic monoterpene biosynthesis is supported by plastid-generated geranyl diphosphate substrate in transgenic tomato fruits; DOI: <a href="https://doi.org/10.1111/tpj.12212">10.1111/tpj.12212</a><br>(trang 67 tập 2)                           | 7  |                         | <i>The Plant Journal</i><br>ISSN: 0960-7412 (print); 1365-313X (online)             | ISI (IF (2013) 7,506; Q1) | 147 | 75(3):351-363   | 04/2013 |
| 7  | Metabolic engineering of monoterpene biosynthesis in tomato fruits via introduction of the non-canonical substrate neryl diphosphate; DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.ymben.2014.05.008">10.1016/j.ymben.2014.05.008</a><br>(trang 81 tập 2) | 6  |                         | <i>Metabolic Engineering</i><br>ISSN: 1096-7176 (print); 1096-7184 (online)         | ISI (IF (2014) 7.798; Q1) | 50  | 24:107-116      | 05/2014 |
| 8  | <i>Petunia x hybrida</i> floral scent production is negatively affected by high-temperature growth conditions; DOI: <a href="https://doi.org/10.1111/pce.12486">10.1111/pce.12486</a><br>(trang 91 tập 2)                                            | 9  |                         | <i>Plant, Cell &amp; Environment</i><br>ISSN: 0140-7791 (print); 1365-3040 (online) | ISI (IF (2015) 6,078; Q1) | 69  | 38(7):1333-1346 | 07/2015 |
| 9  | Metabolic reconstructions identify plant 3-methylglutaconyl-CoA hydratase that is crucial for branched-chain amino acid catabolism in mitochondria; DOI: <a href="https://doi.org/10.1111/tpj.13955">10.1111/tpj.13955</a><br>(trang 105 tập 2)      | 9  |                         | <i>The Plant Journal</i><br>ISSN: 0960-7412 (print); 1365-313X (online)             | ISI (IF (2018) 5,775; Q1) | 17  | 95(2):358-370   | 05/2018 |
| 10 | Characterization of <i>Solanum melongena</i> thioesterases related to tomato methylketone synthase 2; DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/genes10070549">10.3390/genes10070549</a><br>(trang 119 tập 2)                                            | 10 | X<br>(Tác giả liên hệ)  | <i>Genes</i><br>ISSN: 2073-4425                                                     | ISI (IF (2019) 3,331; Q1) | 9   | 10(7):549       | 07/2019 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |    |                        |                                                                                             |                           |    |             |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----|-------------|---------|
| 11 | Identification and functional characterization of a soybean ( <i>Glycine max</i> ) thioesterase that acts on intermediates of fatty acid biosynthesis;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.3390/plants8100397">10.3390/plants8100397</a><br>(trang 137 tập 2)                                                 | 4  | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Plants</i><br>ISSN: 2223-7747                                                            | ISI (IF (2019) 2,632; Q1) | 5  | 8(10):397   | 10/2019 |
| 12 | RNAseq-derived identification of two terpene synthases potentially involved in wounding- and methyl jasmonate-inducible volatile terpene formation in <i>Hevea brasiliensis</i> ;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1088/1755-1315/749/1/012033">10.1088/1755-1315/749/1/012033</a><br>(trang 159 tập 2)    | 5  | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>IOP Conf. Ser.: Earth Environ. Sci.</i><br>ISSN: 1755-1307 (print)<br>1755-1315 (online) | Scopus (IF (2021) 0,47)   | 3  | 749: 012033 | 04/2021 |
| 13 | Overcoming bottlenecks for metabolic engineering of sesquiterpene production in tomato fruits;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.3389/fpls.2021.691754">10.3389/fpls.2021.691754</a><br>(trang 171 tập 2)                                                                                                   | 7  |                        | <i>Frontiers in Plant Sciences</i><br>ISSN: 1664-462X                                       | ISI (IF (2021) 5,753; Q1) | 15 | 12:691754   | 06/2021 |
| 14 | Functional characterization of a bark-specific monoterpene synthase potentially involved in wounding- and methyl jasmonate-induced linalool emission in rubber ( <i>Hevea brasiliensis</i> ); DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.jplph.2023.153942">10.1016/j.jplph.2023.153942</a><br>(trang 185 tập 2) | 10 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Journal of Plant Physiology</i><br>ISSN: 0176-1617                                       | ISI (IF (2022) 4,3; Q1)   | 6  | 282: 153942 | 02/2023 |
| 15 | Alterations to the catalytic properties of methylketone synthase 2 from eggplant ( <i>Solanum melongena</i> ) by mutating the conserved aspartate into glutamate;<br>DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.plgenc.2024.100460">https://doi.org/10.1016/j.plgenc.2024.100460</a><br>(trang 195 tập 2)        | 4  | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Plant gene</i><br>ISSN 2352-4073                                                         | ISI (IF (2023) 2,2; Q2)   |    | 39:100460   | 06/2024 |

|                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                               |   |                                       |                                                                                                     |                         |  |                  |         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|---------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--|------------------|---------|
| 16                                                                                                                                        | Identification of a potentially functional MKS2/ALT homolog gene in the genome of the cultivated potato <i>Solanum tuberosum</i> ; DOI: <a href="https://doi.org/10.24425/jpppr.2024.151816">https://doi.org/10.24425/jpppr.2024.151816</a> (trang 203 tập 2) | 2 | X<br>(Tác giả liên hệ)                | <i>Journal of Plant Protection Research</i><br>ISSN 1427-4345,<br>eISSN 1899-007X                   | ISI (IF (2024) 1,3; Q2) |  | 65(1):27-38      | 02/2025 |
| 17                                                                                                                                        | Expression, Purification, and Catalytic Activity at Low Temperature of a Recombinant TEV Protease (trang 215 tập 2)                                                                                                                                           | 4 | X<br>(Tác giả đầu và tác giả liên hệ) | <i>Proceeding of the 16th Asian Congress on Biotechnology (ACB) 2023</i><br>ISSN: 978-604-479-343-6 |                         |  |                  | 01/2024 |
| Bài báo/báo cáo đăng trên tạp chí trong nước hoặc kỷ yếu khoa học trong nước: 14 bài báo + 1 Kỷ yếu toàn văn Hội nghị Khoa học trong nước |                                                                                                                                                                                                                                                               |   |                                       |                                                                                                     |                         |  |                  |         |
| 18                                                                                                                                        | Sử dụng các công cụ tin-sinh học để phân lập các gen methylketone synthase 2 (MKS2) mới ở loài cà chua <i>Solanum pimpinellifolium</i> (trang 231 tập 2)                                                                                                      | 3 | X<br>(Tác giả liên hệ)                | <i>Tạp chí Sinh học</i><br>ISSN: 0866-7160                                                          |                         |  | 36(1se): 237-243 | 2014    |
| 19                                                                                                                                        | Nghiên cứu hoạt tính enzyme ngoại bào của một chủng <i>Bacillus subtilis</i> tự nhiên có hoạt tính amylase cao bất thường (trang 239 quyển 2)                                                                                                                 | 3 |                                       | <i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN</i><br>ISSN: 0866-8612                                                   |                         |  | 30(6S): 423-430  | 12/2014 |
| 20                                                                                                                                        | Tạo chủng vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> biểu hiện tái tổ hợp <i>cis</i> -prenyltransferase 1 có khả năng tổng hợp neryl pyrophosphate (trang 253 tập 2)                                                                                                    | 6 | X<br>(Tác giả liên hệ)                | <i>Tạp chí Sinh học</i><br>ISSN: 0866-7160                                                          |                         |  | 37(1se): 224-230 | 03/2015 |
| 21                                                                                                                                        | Tạo tế bào vi khuẩn <i>Escherichia coli</i> biểu hiện tái tổ hợp enzym acyl thioesterase 2 (ALT2) có khả năng tổng hợp các 2-methylketone chuỗi carbon ngắn và trung bình                                                                                     | 3 | X<br>(Tác giả liên hệ)                | <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG HCM</i><br>ISSN: 1859-0128                       |                         |  | 18(3): 86-97     | 04/2016 |

|    |                                                                                                                                                                                                                  |   |                        |                                                                             |  |  |                  |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------|---------|
|    | (trang 263 tập 2)                                                                                                                                                                                                |   |                        |                                                                             |  |  |                  |         |
| 22 | Functional coexpression in <i>Escherichia coli</i> BL21(DE3) of <i>cis</i> -prenyltransferase (CPT1) and terpene synthase 19 (TPS19) from the cultivated tomato <i>Solanum lycopersicum</i><br>(trang 275 tập 2) | 4 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Công nghệ Sinh học</i><br>ISSN: 1811-4989                        |  |  | 14(1A): 509-519  | 05/2017 |
| 23 | Tách dòng và xác định trình tự hai gene mã hóa methylketone synthase 2 (NtMKS2-1 và NtMKS2-2) ở thuốc lá ( <i>Nicotiana tabacum</i> )<br>(trang 293 tập 2)                                                       | 4 |                        | <i>Tạp chí Khoa học – ĐHQGHN</i><br>ISSN: 0866-8612                         |  |  | 33(1S): 79-85    | 10/2017 |
| 24 | Phân lập gene mã hóa enzyme <i>cis</i> -prenyltransferase 4 (CPT4) từ cây cao su <i>Hevea brasiliensis</i> ; DOI: 10.25073/2588-1140/vnunst.4562<br>(trang 301 tập 2)                                            | 5 |                        | <i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN</i><br>ISSN: 0866-8612                           |  |  | 33 (2S): 267-273 | 10/2017 |
| 25 | Phân lập từ ớt ( <i>Capsicum annuum</i> ) cDNA mã hóa protein tương đồng với methylketone synthase 2 (MKS2) ở cà chua dại ( <i>Solanum habrochaites</i> )<br>(trang 309 tập 2)                                   | 8 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Công nghệ Sinh học</i><br>ISSN: 1811-4989                        |  |  | 15(4A): 87-93    | 12/2017 |
| 26 | Tạo dòng và biểu hiện 1-deoxy-D-xylulose 5-phosphate synthase (DXS) trong <i>Escherichia coli</i><br>(trang 313 tập 2)                                                                                           | 5 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Công nghệ Sinh học</i><br>ISSN: 1811-4989                        |  |  | 15 (4A): 229-236 | 12/2017 |
| 27 | Tổng hợp 2-methylketone nhờ cải biến biến dưỡng tế bào vi khuẩn; DOI: 10.46223/HCMCOUJS.tech.vi.13.1.801.2018<br>(trang 321 tập 2)                                                                               | 5 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh</i><br>ISSN: 1859-3453 |  |  | 59(2): 45-53     | 01/2018 |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |   |                        |                                                                               |  |  |                |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------|---------|
| 28 | Tạo dòng, biểu hiện và khảo sát hoạt tính enzyme của eugenol oxidase (EUGO) trong <i>Escherichia coli</i> ; DOI: 10.15625/1811-4989/17/3/13244<br>(trang 333 tập 2)                                                                                                                                       | 4 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Công nghệ Sinh học</i><br>ISSN: 1811-4989                          |  |  | 17(3): 561-567 | 11/2020 |
| 29 | Nghiên cứu sử dụng ubiquitin-conjugating enzyme 2b ( <i>HbUBC2b</i> ) làm gene tham chiếu trong phân tích biểu hiện gene bằng phương pháp RT-qPCR ở cây cao su <i>Hevea brasiliensis</i> khi có tổn thương cơ học hoặc xử lý methyl jasmonate; DOI:10.32508/stdjns.v5i3.1036<br>(trang 345 tập 2)         | 5 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG HCM</i><br>ISSN: 1859-0128 |  |  | 5(3):1455-1460 | 08/2021 |
| 30 | Nghiên cứu sử dụng gene mã hóa adenine phosphoribosyl transferase ( <i>APRT</i> ) làm gene tham chiếu trong phân tích biểu hiện gene theo mô hoặc dưới ảnh hưởng của xử lý stress ở cây cà tím ( <i>Solanum melongena</i> ) bằng phương pháp RT-qPCR; DOI: 10.32508/stdjns.v6i3.1177<br>(trang 363 tập 2) | 4 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ - ĐHQG HCM</i><br>ISSN: 1859-0128 |  |  | 6(3):2314-2326 | 09/2022 |
| 31 | Phân lập và phân tích <i>in silico</i> các đặc điểm chức năng của một biến thể bản sao terpene synthase ( <i>HbTPS6L-X1</i> ) hiện diện ở vỏ thân cây cao su <i>Hevea brasiliensis</i> RRIV 209; DOI: 10.31276/VJST.65(12).70-76<br>(trang 377 tập 2)                                                     | 3 | X<br>(Tác giả liên hệ) | <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam</i><br>ISSN: 2615-9758              |  |  | 65 (12):70-76  | 12/2023 |
| 32 | Phân lập và khảo sát hoạt tính kháng oxy hoá và kháng viêm <i>in vitro</i> của                                                                                                                                                                                                                            | 7 |                        | <i>Kỷ yếu toàn văn Hội nghị Nấm học toàn</i>                                  |  |  | 192-206        | 11/2024 |

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

|                                                                     |  |  |                               |  |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------|--|--|--|--|
| <i>Cordyceps cicadae</i> tự nhiên tại Việt Nam<br>(trang 385 tập 2) |  |  | quốc lần thứ VI<br>- năm 2024 |  |  |  |  |
|---------------------------------------------------------------------|--|--|-------------------------------|--|--|--|--|

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 08

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

| TT  | Tên bài báo/báo cáo KH          | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|-----|---------------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| I   | Trước khi được công nhận PGS/TS |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| II  | Sau khi được công nhận PGS/TS   |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 1   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| 2   |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |
| ... |                                 |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT  | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|-----|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| 1   |                                                |                 |                    |                             |            |
| 2   |                                                |                 |                    |                             |            |
| ... |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

| TT | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| 1  |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

|     |  |  |  |  |  |
|-----|--|--|--|--|--|
| 2   |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| TT | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN                   | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng    | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế    | Ghi chú |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---------|
| 1  | Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Hoá sinh học<br>(trang 675 tập 2) | Tham gia                       | QĐ số 1726/QĐ-KHTN ngày 07/09/2023           | Trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐHQG-HCM | QĐ số 2897/QĐ-KHTN ngày 25/12/2023 |         |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước  
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế  
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho  
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân  
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được  
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp  
luật.

*Tp.HCM, ngày 27 tháng 6 năm 2025*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Nguyễn Thị Hồng Thương**